

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2014 (Từ ngày 01/04/2014 đến 30/06/2014)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67.066.189.574	55.872.812.001
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	2.210.352.783	3.224.576.838
1 Tiền	111		2.210.352.783	3.224.576.838
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.262.692.999	42.187.165.536
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	53.163.436.300	35.918.176.178
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	94.267.866	264.000.525
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn (tạm ứng)	133			6.000.000.000
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	4.988.833	4.988.833
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5		-
IV. Hàng tồn kho	140		11.135.804.923	9.988.769.579
Hàng tồn kho	141	VI.5	11.135.804.923	9.988.769.579
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		457.338.869	472.300.048
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.4	-	-
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		457.338.869	472.300.048
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	VI.5	-	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.6		-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		264.342.513.483	263.410.609.743
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.842.513.483	5.910.609.743
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	4.955.942.622	5.241.989.743
Nguyên giá	222		5.867.131.150	5.902.257.514
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(911.188.528)	(660.267.771)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.8	1.886.570.861	668.620.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		257.500.000.000	257.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.9	237.500.000.000	237.500.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.10	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.28	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	VI.11	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		331.408.703.057	319.283.421.744



CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2014 (Từ ngày 01/04/2014 đến 30/06/2014)

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu Năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		95.083.865.810	83.416.902.515
I. Nợ ngắn hạn	310		95.083.865.810	83.416.902.515
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.10	25.000.000.000	10.000.000.000
1. Phải trả người bán	312	VI.12	47.939.516.634	66.998.882.012
2. Người mua trả tiền trước	313		16.535.356.000	
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.13	3.887.591.346	4.634.818.673
4. Phải trả người lao động	315	VI.13	-	-
5. Chi phí phải trả	316	VI.14	-	-
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.721.401.830	1.783.201.830
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		236.324.837.247	235.866.519.229
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.14	236.324.837.247	235.866.519.229
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		216.000.000.000	216.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.332.982.284	13.332.982.284
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.091.458.960	2.091.458.960
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.900.396.003	4.442.077.985
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		331.408.703.057	319.283.421.744

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu Năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công vật tư			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược			

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2014

Người lập biểu

Phạm Hồng Thanh

Phạm Hồng Thanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hoài

Trần Thị Thu Hoài



Tổng Giám đốc

Thái Bá Hiến
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2014 (Từ ngày 01/04/2014 đến 30/06/2014)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
			Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		15.089.390.000	8.715.500.500	24.877.890.000	18.827.393.249
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	15.089.390.000	8.715.500.500	24.877.890.000	18.827.393.249
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	13.961.863.679	7.983.491.340	22.592.613.679	17.333.817.592
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.127.526.321	732.009.160	2.285.276.321	1.493.575.657
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	242.390	148.728	287.642	198.788
7 Chi phí tài chính	22		670.833.333		1.195.833.333	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		670.833.333		1.195.833.333	
8 Chi phí bán hàng	24		-		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.4	246.515.348	339.327.811	478.639.939	595.417.158
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		210.420.030	392.830.077	611.090.691	898.357.287
11 Thu nhập khác	31		-			
12 Chi phí khác	32	VII.5	-			6.002.317
13 Lợi nhuận khác	40		-	-	-	(6.002.317)

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2014 (Từ ngày 01/04/2014 đến 30/06/2014)

14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	210.420.030	392.830.077	611.090.691	892.354.970
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	52.605.008	98.274.707	152.772.673	224.589.322
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-			
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	157.815.022	294.555.370	458.318.018	667.765.648

Người lập biểu

Phạm Hồng Thanh

Phạm Hồng Thanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hoài

Trần Thị Thu Hoài

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2014



TỔNG GIÁM ĐỐC
Thái Bá Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2014 (Từ ngày 01/04/2014 đến 30/06/2014)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ II NĂM 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này (Năm trước)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
10 Lợi nhuận trước thuế	611.090.691	892.354.970
12 Điều chỉnh cho các khoản (121+124+125+126)	1.480.568.917	
121 Khấu hao TSCĐ	285.023.226	271.131.787
124 Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	(287.642)	(198.788)
125 Chi phí lãi vay	1.195.833.333	
126 Lãi tiền gửi		
13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ (10+12)	2.091.659.608	1.163.287.969
131 Tăng giảm các khoản phải thu	(11.060.566.284)	20.627.852.683
132 Tăng giảm hàng tồn kho	(1.147.035.344)	(7.769.737.817)
133 Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay và Thuế TNDN phải nộp)	(12.414.190.622)	(9.716.062.500)
136 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(900.000.000)	(1.432.335.667)
135 Tiền lãi vay đã trả	(1.195.833.333)	
137 Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	8.611.454.278	
138 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(59.400.000)
1 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(16.014.511.697)	2.813.604.668
210 Tiền chi để mua sắm XD, TSCĐ và các TSDH khác		(295.000.000)
240 Tiền thu hồi cho vay, bán lại cho các công cụ nợ của ĐV khác		
250 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
270 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		198.788
296 Tiền thu lãi tiền gửi Ngân hàng	287.642	
2 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (210+240+250+270+296)	287.642	(294.801.212)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH		
33 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	25.000.000.000	
34 Tiền chi trả nợ gốc vay	(10.000.000.000)	
3 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (31+33+34)	15.000.000.000	-
5 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (1+2+3)	(1.014.224.055)	2.518.803.456
6 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3.224.576.838	1.739.866.679
7 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (5+6)	2.210.352.783	4.258.670.135

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2014

Người lập biểu

Phạm Hồng Thanh

Phạm Hồng Thanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hoài

Trần Thị Thu Hoài

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Thái Bá Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý I năm 2014 của Công ty Cổ Phần Luyện Kim Phú Thịnh (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Kinh doanh bất động sản bao gồm: Đầu tư, xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung, tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô.
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi và công nghiệp.
- Lập các dự án và đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình).
- Mua bán khoáng sản, các thiết bị máy móc khai khoáng, chế biến khoáng sản và luyện kim.
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính Quý II năm 2014 thuộc năm tài chính thứ 07 (bảy) của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2014 (Từ ngày 01/04/2014 đến ngày 30/06/2014)

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở thời điểm hiện tại.

Phương pháp hạch toán: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	04
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

6. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2014 (Từ ngày 01/04/2014 đến ngày 30/06/2014)

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao quyền sở hữu, xuất hóa đơn giá trị gia tăng và khách hàng đồng ý thanh toán.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

10. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.6

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt VNĐ	2.187.290.312	3.213.136.699
Tiền gửi VNĐ	23.062.471	11.440.139
Cộng	2.210.352.783	3.224.576.838

2. Phải thu của khách hàng

TCT CP Tập đoàn tre gỗ Việt Nam	16.749.408.122	16.749.408.122
Công ty CP Luyện kim Đông Bắc	8.208.590.616	8.317.590.616
Doanh nghiệp TN Hoàng Mạnh	2.342.677.440	2.342.677.440
Công ty CP Mỏ và XNK Khoáng sản Miền Trung		8.508.500.000
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	25.862.760.122	
Cộng	53.163.436.300	35.918.176.178

3. Trả trước cho người bán

Cộng	16.535.356.000	264.000.525
-------------	-----------------------	--------------------

4. Các khoản phải thu khác

Cộng	4.988.833	4.988.833
-------------	------------------	------------------

5. Hàng tồn kho

Nguyên liệu vật liệu	376.870.923	400.844.923
Hàng hóa	10.734.960.000	8.854.373.679
Công cụ dụng cụ	23.974.000	
Chi phí SXKD dở dang		733.550.977
Cộng	11.135.804.923	9.988.769.579

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2014 (Từ ngày 01/04/2014 đến ngày 30/06/2014)

6. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng		6.000.000.000
Cộng		6.000.000.000

7. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác (*)	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ				
1. Số đầu năm			5.867.131.150	5.867.131.150
2. Tăng trong năm				
3. Giảm trong năm				
4. Số cuối năm			5.867.131.150	5.867.131.150
II. HAO MÒN LŨY KẾ				
1. Số đầu năm			626.165.302	626.165.302
2. Tăng trong năm			285.023.226	285.023.226
3. Giảm trong năm				
4. Số cuối năm			911.188.528	911.188.528
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
1. Số đầu năm			5.240.965.848	5.240.965.848
2. Số cuối năm			4.955.942.622	4.955.942.622

Nguyên giá Tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng: không có

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.886.570.861	668.620.000
Cộng	1.886.570.861	668.620.000

9. Đầu tư vào Công ty con

Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện Kim Thăng Long Nghệ An (*)

	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

Ghi chú (*): Tỷ lệ góp vốn là 100 %.

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

(a) Công ty CP Chì Kẽm Yên Bái	167.500.000.000	167.500.000.000
(b) Công ty TNHH MTV XNK Yên Bái Lào Cai	70.000.000.000	70.000.000.000
Cộng	237.500.000.000	237.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2014 (Từ ngày 01/04/2014 đến ngày 30/06/2014)

11. Đầu tư dài hạn khác

Cộng

-

12. Phải trả cho người bán

Cộng

47.939.516.634

66.998.882.012

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Đầu kỳ
Thuế		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.882.602.513	4.629.829.840
Thuế thu nhập cá nhân	4.988.833	4.988.833
Các loại thuế khác		
- Thuế môn bài		
Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	3.887.591.346	4.634.818.673

- **Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.
- Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất 10%: Hàng bán trong nước.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh số V.7).

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại hình khác nhau, có thể được giải thích nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm	216.000.000.000	13.332.982.284	2.091.458.960	4.442.077.985	235.866.519.229
Lãi trong kỳ					
Lợi nhuận trong kỳ	-			458.318.018	458.318.018
Trích lập các quỹ	-				
Số dư cuối kỳ	216.000.000.000	13.332.982.284	2.091.458.960	4.900.396.003	236.324.837.247

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2014 (Từ ngày 01/04/2014 đến ngày 30/06/2014)

15. Cổ phiếu

	Năm 2013
- Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành:	21.600.000
- Số lượng Cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông:	21.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi:	-
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành:	21.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông:	21.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi:	-
Mệnh giá Cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000

16. Các quỹ của doanh nghiệp

	Cuối kỳ	Đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	13.332.982.284	13.332.982.284
Quỹ dự phòng tài chính	2.091.458.960	2.091.458.960

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý này năm 2014	Quý này năm 2013
Doanh thu bán hàng	15.089.390.000	8.715.500.500
Cộng	15.089.390.000	8.715.500.500

2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán	13.961.863.679	7.983.491.340
Cộng	13.961.863.679	7.983.491.340

3. Doanh thu tài chính

- Lãi tiền gửi ngân hàng	242.390	148.728
- Lãi tiền cho vay		
Cộng	242.390	148.728

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2014 (Từ ngày 01/04/2014 đến ngày 30/06/2014)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí QLDN

Cộng

246.515.348

339.327.811

246.515.348

339.327.811

5. Chi phí khác

- Chi phí khác

Cộng

6. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	210.420.030	392.830.077
- Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế		
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế		
- Tổng thu nhập chịu thuế	210.420.030	392.830.077
- Thuế suất thuế TNDN phải nộp	25%	25%
- Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	52.605.008	98.274.707

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh hoạt động kinh doanh tại Thành phố Hà Nội. Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Và Luyện Kim Thăng Long - Nghệ An (công ty con) hoạt động kinh doanh tại Tỉnh Nghệ An.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Quý II/2014
Trong nước	15.089.390.000
	-
Cộng	15.089.390.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2014 (Từ ngày 01/04/2014 đến ngày 30/06/2014)

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.210.352.783	3.224.576.838
Phải thu khách hàng, phải thu khác	53.262.692.999	36.187.165.536
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	257.500.000.000	257.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng	312.973.045.782	296.911.742.374
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán, phải trả khác	70.083.865.810	73.416.902.515
Các khoản vay	25.000.000.000	10.000.000.00
Cộng	95.083.865.810	83.416.902.515

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam. Các ngân hàng này đều là các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2014 (Từ ngày 01/04/2014 đến ngày 30/06/2014)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm/kỳ				
- Phải trả cho người bán và phải trả khác	95.083.865.810	-	-	95.083.865.810
- Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	95.083.865.810	-	-	95.083.865.810
Số đầu năm				
- Phải trả cho người bán và phải trả khác	88.990.584.802	-	-	88.990.584.802
- Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	88.990.584.802	-	-	88.990.584.802

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.210.352.783	-	-	2.210.352.783
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.163.436.300	-	-	53.163.436.300
Đầu tư dài hạn		257.500.000.000	-	257.500.000.000
Cộng	55.373.789.083	257.500.000.000	0	312.873.789.083
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.224.576.838	-	-	3.224.576.838
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.231.081.936	-	-	36.231.081.936
Đầu tư dài hạn		257.500.000.000	-	257.500.000.000
Cộng	39.455.658.774	257.500.000.000	0	296.955.658.774

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2014 (Từ ngày 01/04/2014 đến ngày 30/06/2014)

5. Báo cáo bộ phận

Doanh thu chính của Công ty phát sinh chủ yếu trên cùng một địa bàn và doanh thu chủ yếu tập trung vào một số loại sản phẩm hàng hóa. Do đó, Công ty không thực hiện trình bày Báo cáo bộ phận.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2013.

- Kết quả Lợi nhuận sau thuế Quý 2 năm 2014 so với Quý 2 năm 2013

So sánh kết quả kinh doanh Quý 1 năm 2014 so với Quý 1 năm 2013 thấy: kết quả lợi nhuận sau thuế Quý 2 năm 2014 giảm 136.740.348đ so với Quý 2 năm 2013:

Mặc dù Doanh thu Quý 2 năm 2014 đạt Doanh thu cao hơn Quý 2 năm 2013, tuy nhiên do thị trường kinh tế những năm gần đây có kém phát triển, chi phí giá thành và các chi phí khác cao nên hiệu quả kinh tế không đạt như ý muốn. Đơn vị sẽ cố gắng đẩy mạnh cơ cấu bán hàng, giảm chi phí giá thành, cải tiến phương pháp kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư phát triển ngành nghề chính (Khoáng sản, luyện kim), của Công ty phát triển nhằm tạo nhiều lợi nhuận và ổn định trong tương lai tới.

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2014

Người lập biểu

Lê Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hoài



Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC
Thái Bá Hiến